

CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG LÀNG NGHỀ Ở VIỆT NAM

Chu Tiến Quang*
Đinh Xuân Nghiêmm**

Những năm gần đây, các làng nghề nông thôn đã phục hồi và phát triển, tạo điều kiện để kinh tế nông thôn chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng giá trị khu vực phi nông nghiệp, giảm tỷ trọng nông nghiệp, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn và tạo ra những hướng phát triển mới. Tuy nhiên, nhiều vấn đề đang nổi lên như: năng lực tổ chức quản lý, trang thiết bị và nguồn lực tài chính, kiến thức thị trường, kỹ năng marketing, cơ sở hạ tầng và kỹ thuật công nghệ còn thiếu và yếu. Trong những năm qua, Nhà nước đã ban hành khá nhiều chính sách hỗ trợ làng nghề nhưng trên thực chất các chính sách này chưa thật sự phát huy được nhiều tác dụng, phần đa mới chỉ là chủ chương, chưa khắc phục được trình trạng phát triển làng nghề tự phát, không có quy hoạch rõ ràng, những chính sách hỗ trợ chậm trễ, thủ tục rườm rà do vậy vẫn chưa đủ mạnh để thúc đẩy phát triển mạnh và bền vững làng nghề ở nông thôn Việt Nam.

1. Khái quát về kinh tế - xã hội - môi trường làng nghề Việt Nam

Về số lượng, Việt Nam có khoảng 2.790 làng nghề xét theo tiêu chí trên 20% số hộ trong làng tham gia sản xuất thuộc 11 nhóm ngành nghề chính như: sơn mài, gốm sứ, thêu ren, mây tre đan, cói, dệt, giấy,

tranh dân gian, gỗ, đá trong cả nước¹. Theo thống kê, giá trị xuất khẩu của sản phẩm làng nghề vào năm 2000 đạt 273,7 triệu USD, năm 2008 đã tăng lên hơn 850 triệu USD, năm 2009 đạt 900 triệu USD² với thị trường gồm 100 nước trên thế giới.

Bên cạnh đó, làng nghề góp phần giải quyết việc làm và thu nhập cho lao động nông thôn. Trong các làng nghề kinh tế hộ gia đình chiếm 72%, tập thể 18%, và doanh nghiệp tư nhân 10%. Lực lượng này đang giải quyết việc làm cho khoảng 11 triệu lao động, chiếm khoảng 30% lực lượng lao động nông thôn, trong đó khoảng 30% là lao động làm việc thường xuyên, còn lại là lao động thời vụ. Theo báo cáo Quy hoạch phát triển NNNT, đến năm 2015 và 2020, bình quân một làng nghề số lao động phổ thông chiếm từ 56,8% đến 79%; lao động lành nghề chiếm từ 21% đến 42,3%³.

Thu nhập bình quân 1 lao động làng nghề mây tre đan đạt 1,1 triệu đồng/tháng, làng nghề gỗ mỹ nghệ đạt 2,1 triệu đồng/tháng, làng nghề gốm mỹ nghệ đạt 2,7 triệu đồng/tháng⁴. Tỷ lệ hộ nghèo ở các làng nghề chiếm 3,7% trong khi bình quân cả nước là 10,4%.

Một trong những vấn đề tồn tại đối với phát triển làng nghề là ô nhiễm môi trường làng nghề.

* Chu Tiến Quang, Tiến sỹ Kinh tế, Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương

** Đinh Xuân Nghiêmm, Thạc sỹ Kinh tế, Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương

1 Hội thảo môi trường một sản phẩm 2010, Cục Chế biến thương mại Nông lâm thủy sản và nghề muối- Bộ NN&PTNT

2 Cục CBTM NLTS và nghề muối; Báo cáo kế hoạch 5 năm 2011-2015 ngành NN&PTNT - Bộ NN&PTNT.

3 Quy hoạch phát triển Nông nghiệp nông thôn đến 2015 và định hướng đến năm 2020.

4 Đánh giá ảnh hưởng của KHKH và CS hỗ trợ của Chính phủ đối với làng nghề, 2010, Ipsard

Điều tra 52 làng nghề của Bộ Tài nguyên và Môi trường cho thấy môi trường tự nhiên đang bị suy thoái trầm trọng ở các làng nghề như: chế biến lương thực, thực phẩm; vật liệu xây dựng; dệt nhuộm, làm giấy; sản xuất nhựa; kim loại; thủ công mỹ nghệ. Cụ thể là 24 làng bị ô nhiễm nặng (chiếm 46,2%), 14 làng ô nhiễm ở mức trung bình (chiếm 26,9%) và 14 làng ô nhiễm nhẹ (chiếm 28,9%). Chất lượng môi trường tại các làng nghề này không đạt tiêu chuẩn, người lao động phải tiếp xúc với bụi quá mức (95%); với nhiệt độ quá cao (85,9%); với hóa chất độc hại (59,6%)⁵.

2. Thực trạng chính sách phát triển bền vững làng nghề hiện nay

2.1. Chính sách kinh tế đối với phát triển làng nghề

a. Quản lý Nhà nước đối với làng nghề

Định hướng cho các làng nghề phát triển chính phủ đã ban hành một số chính sách như nghị định số 66/NĐ-CP ngày 7/7/2006 về phát triển ngành nghề nông thôn, tiếp đó Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành thông tư hướng dẫn số 116/2006/TT-BNN, Chỉ thị số 28/2007/CT-BNN ngày 18/4/2007 đẩy mạnh thực hiện quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn và phòng chống ô nhiễm môi trường làng nghề. Đây là cơ sở pháp lý để các địa phương xây dựng và thực hiện quy hoạch phát triển làng nghề tạo điều kiện để làng nghề có mặt bằng đủ đáp ứng yêu cầu của sản xuất, giảm bớt tình trạng ô nhiễm môi trường.

Tuy vậy, so với yêu cầu PTBV thì Quản lý Nhà nước đối với các làng nghề còn nhiều bất cập, thể hiện qua việc đến nay chưa có cơ quan Nhà nước chuyên trách về chỉ đạo, quản lý nhà nước đối với làng nghề; phân công trách nhiệm giữa các cơ quan Nhà nước liên quan trong quản lý các làng nghề

chưa rõ ràng, thiếu thống nhất từ Trung ương đến địa phương. Theo thống kê của Hiệp hội làng nghề Việt Nam, có 25/64 tỉnh việc quản lý nhà nước đối với làng nghề được giao cho ngành công thương, số còn lại giao cho ngành nông nghiệp.

b. Chính sách đất đai cho làng nghề

Chính sách đất đai hiện nay đã tác động mạnh mẽ đến phát triển KT-XH nông thôn nói chung và các làng nghề nói riêng, đặc biệt là tạo lập kết cấu hạ tầng và mặt bằng sản xuất kinh doanh cho các hộ, cơ sở SXKD của các làng nghề. Bên cạnh những mặt tích cực trên còn một vấn đề cần phải khắc phục như:

- Hầu hết các cơ sở SXKD trong làng nghề gặp khó khăn về đất đai để mở rộng SXKD do Chính phủ ban hành Quyết định 391/QĐ-TTg năm 2008 về "Rà soát, kiểm tra thực trạng quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2006-2010 trên địa bàn cả nước, trong đó rà soát kiểm tra thực trạng, công tác quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nông nghiệp 5 năm 2006-2010 nói chung và đất trồng lúa nói riêng, không cho chuyển đất hai lúa sang đất phi nông nghiệp". Trên thực tế, muốn phát triển ngành phi nông nghiệp ở nhiều vùng không còn cách nào khác là phải lấy từ quỹ đất nông nghiệp.

- Chưa phù hợp với nhu cầu từng loại ngành nghề trong các làng nghề hiện nay.

c. Chính sách phát triển vùng nguyên liệu

Thời gian qua, Chính phủ đã có chính sách xây dựng vùng nguyên liệu cho làng nghề như: Quyết định 132/2000/QĐ-TTg, Nghị quyết 09/2000/NQ-CP, Quyết định số 150/2005/QĐ-TTg. Chính sách này đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc cung ứng nguyên liệu cho làng nghề nhằm giải quyết nguy cơ cạn kiệt nguyên liệu trong nước, và áp lực phải nhập khẩu. Tuy nhiên các vùng

nguyên liệu hiện nay vẫn tiếp tục phát triển tự phát, không theo quy hoạch và nhà nước không kiểm soát được và không điều chỉnh được sự phát triển phù hợp với nhu cầu của các hoạt động làng nghề.

d. Chính sách đầu tư kết cấu hạ tầng cho làng nghề

Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng làng nghề. Nhờ tập trung đầu tư của Nhà nước, cùng với sự đóng góp của nhân dân, cơ sở hạ tầng làng nghề đã được cải thiện đáng kể, đã tạo điều kiện phát triển sản xuất, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn nên thu nhập của người dân đã được cải thiện. Các chính sách phải kể đến: Quyết định số 230/2003/QĐ-TTg về đầu tư phát triển kiên cố hóa kênh mương, giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng làng nghề ở nông thôn... Nghị định số 134/2004/NĐ-CP về khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn. Tuy nhiên, chính sách hỗ trợ đầu tư hạ tầng cho các làng nghề vẫn chưa rõ ràng và nhất quán trong quy định của các văn bản, gây ra nhiều bất cập trong triển khai đầu tư phát triển hạ tầng cho các làng nghề ...

e. Chính sách tín dụng

Chính phủ đã có nhiều biện pháp để hỗ trợ vốn đối với doanh nghiệp trong các làng nghề như: Quyết định số 67/1999/QĐ-TTg về một số chính sách tín dụng ngân hàng phục vụ phát triển nông nghiệp và nông thôn; Quyết định 178/1998/QĐ-TTg về hỗ trợ lãi suất vay vốn ngân hàng đối với một số mặt hàng xuất khẩu trong đó có mặt hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu của các làng nghề; Nghị định số 43/1999/NĐ-CP của Chính phủ về tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước; Nghị định số 66/2006/NĐ-CP của Chính phủ quy định một số chính sách phát

triển ngành nghề nông thôn; Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg và Quyết định số 443/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ lãi suất (4%) cho các tổ chức, cá nhân vay vốn ngân hàng với mục đích tạo căn cứ pháp lý để các doanh nghiệp và hộ kinh doanh trong làng nghề tiếp cận vốn tín dụng.

Vấn đề đang đặt ra đối với các doanh nghiệp, các hộ gia đình, cơ sở kinh doanh trong các làng nghề là sự khó khăn trong việc tiếp cận với vốn cho vay của các tổ chức tín dụng do có nhiều cản trở về thủ tục, thiếu thông tin giữa bên cho vay và bên đi vay, tổn phí về thời gian và tiền bạc để có được vốn vay từ các tổ chức tín dụng là quá lớn nên người đi vay đã từ chối các dòng vốn vay này.

Chính sách tín dụng chưa đề cập cụ thể đến đối tượng làng nghề, hạn mức cho vay ưu đãi 10 triệu đồng/hộ/1 lần vay chưa đáp ứng được nhu cầu vay để mở rộng sản xuất, đầu tư chiều sâu để nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm.

Các tổ chức tín dụng chưa tư duy theo cách là nhà đầu tư vào các làng nghề, nên thiếu chủ động trong tiếp cận các cơ sở kinh tế trong làng nghề để tư vấn về phương án khả thi trong sử dụng vốn vay. Bên cạnh đó, lãi suất tín dụng cao, thời hạn vay vốn chưa hợp lý.

g. Chính sách xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm

Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách mở rộng thị trường đầu vào và đầu ra cho sản xuất kinh doanh của các làng nghề như Quyết định 55/1998-QĐ-TTg, Nghị định 44/2001/NĐ-CP, Quyết định số 311/2003/QĐ-TTg, Quyết định số 559/QĐ-TTg, Quyết định số 772/2003, Quyết định số 27/2007/QĐ-TTg, Nghị định số 66/2006/NĐ-CP.

Đặc biệt, các biện pháp xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm TTCN thời gian qua đã tạo điều kiện rất tích cực để sản phẩm làng nghề tiếp cận với khách hàng trong và ngoài nước. Tuy nhiên chính sách xúc tiến thương mại sản phẩm làng nghề đang có nhiều hạn chế như:

- Quản lý Nhà nước đối với lưu thông hàng hóa chưa hoàn chỉnh, các giải pháp ổn định thị trường, giá cả ở tầm vĩ mô chưa rõ và chưa có sự chỉ đạo tập trung.

- Thiếu những quy định cụ thể về cơ chế phát triển các mô hình tổ chức thị trường và các kênh lưu thông sản phẩm làng nghề. Chính sách phát triển kết cấu hạ tầng thương mại chưa đạt yêu cầu của thực tế. Chính sách chống buôn lậu và gian lận thương mại chưa hữu hiệu.

- Chính sách xuất khẩu chưa rõ ràng trong quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng và chế độ kiểm tra đối với sản phẩm làng nghề xuất khẩu.

- Các biện pháp xúc tiến thương mại còn dàn trải, chưa tập trung vào các ngành sản xuất hàng xuất khẩu, chưa định hướng hội nhập kinh tế quốc tế về sản phẩm làng nghề.

h. Chính sách thuế, phí

Chính sách thuế của Nhà nước được cải cách mạnh mẽ nhằm mục tiêu thúc đẩy sản xuất phát triển nói chung và trong các làng nghề nói riêng. Thủ tướng Chính phủ có Quyết định 132/2000/QĐ-TTg quy định các cơ sở sản xuất trong làng nghề được hưởng thuế ưu đãi theo pháp luật về khuyến khích đầu tư và thuế tài nguyên ưu đãi theo quy định của luật thuế tài nguyên. Nghị định số 57/2002/NĐ-CP của chính phủ về phí, lệ phí đã bãi bỏ và nghiêm cấm việc thu phí, lệ phí trái với pháp luật đối với các cơ sở ngành nghề nông thôn.

Một số hạn chế cần hoàn thiện là:

- Các văn bản về thuế chưa rõ ràng và cụ thể, gây khó khăn cho việc áp dụng nội dung, các sắc thuế còn phức tạp; cơ chế quản lý thuế chưa được định rõ; thủ tục nộp thuế còn rườm rà, chưa quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan chức năng và cá nhân có liên quan đến công tác thuế...

- Chính sách thu phí, lệ phí rườm rà song chưa bao quát hết đối tượng, hiệu quả thấp, đặc biệt là chưa liên quan đến bảo vệ môi trường ở các làng nghề.

- Hoàn thuế GTGT đòi hỏi phải có hóa đơn đầu vào là một thách thức lớn đối với các doanh nghiệp kinh doanh ở nông thôn.

2.2. Một số chính sách phát triển làng nghề bền vững về xã hội

a. Chính sách đào tạo nguồn nhân lực

Nhà nước đã chú trọng hình thành và triển khai chính sách hỗ trợ đào tạo, dạy nghề cho lao động trong làng nghề như: đào tạo công nhân, thợ lành nghề, đào tạo cán bộ quản lý các cơ sở sản xuất trong làng nghề. Nhìn chung, trình độ tay nghề của người lao động, trình độ quản lý của các doanh nghiệp và hộ kinh doanh đã được nâng lên. Tuy nhiên, những khía cạnh chưa đạt được của chính sách đào tạo, dạy nghề hiện tại là:

- Chưa có các biện pháp đào tạo nghề ngắn hạn, dài hạn phù hợp, hầu hết các cơ sở dạy nghề chưa thích hợp với cơ chế thị trường, chưa bám sát nhu cầu của người đào tạo nghề.

- Chưa rõ trách nhiệm của hệ thống đào tạo công lập thuộc quyền quản lý của các ngành, các địa phương. Đầu tư của nhà nước cho hệ thống này chưa theo sát nhu cầu thị trường.

- Chưa chú trọng đào tạo năng lực quản lý cho các cơ sở đào tạo dạy nghề.

- Chưa thúc đẩy doanh nghiệp tự đầu tư kinh phí vào công tác đào tạo

- Đội ngũ giáo viên dạy nghề thiếu về số lượng, cơ cấu chưa phù hợp, chất lượng còn hạn chế, chất lượng dạy và truyền nghề cho lao động chưa đáp ứng được yêu cầu sử dụng.

b. Chính sách về bảo tồn và phát triển làng nghề

Chính phủ có nhiều biện pháp hỗ trợ khôi phục các làng nghề truyền thống như: Quyết định 132/2000/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, tiếp đó là Nghị định số 66/2006/NĐ-CP của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn. Nhờ đó, các hoạt động sản xuất truyền thống trong một bộ phận làng nghề đã được phục hồi và phát triển tốt hơn.

Tuy nhiên, chính sách bảo tồn làng nghề còn hạn chế sau:

- Các giải pháp chính sách khôi phục, phát triển làng nghề còn nặng về hình thức, chưa rõ cơ chế hành động của các cấp, các ngành trong triển khai chính sách.

- Các chỉ tiêu công nhận làng nghề quy định tại Thông tư 116/2006/TT-BNN chỉ đơn thuần về hoạt động kinh tế chưa đề cập đến hoạt động xã hội và môi trường.

- Chưa có quy chế giám sát sau khi các ngành nghề truyền thống được khôi phục, nhằm đảm bảo làng nghề sau khi được khôi phục hoạt động có hiệu quả và bền vững.

2.3. Chính sách phát triển làng nghề bền vững và môi trường

a. Chính sách khoa học và công nghệ đối với làng nghề

Chính phủ đã quan tâm hỗ trợ các làng nghề cải tiến trang thiết bị công nghệ để nâng cao năng suất lao động và thân thiện với môi trường như: Quyết định

132/2000/QĐ-TTg, Nghị định 134/2004/NĐ-CP và một số thông tư hướng dẫn. Bên cạnh mặt tích cực vẫn còn nhiều vấn đề sau cần hoàn thiện, đó là:

- Chính sách KHCN chưa tạo động lực đủ mạnh để khuyến khích nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao TBKT vào sản xuất.

- Chính sách chưa phát huy được vai trò thúc đẩy các cơ sở trong làng nghề chưa có hoặc còn ít.

b. Chính sách bảo vệ môi trường làng nghề

Nhà nước đã ban hành văn bản quy định về bảo vệ môi trường làng nghề, đáng chú ý là: Luật Bảo vệ môi trường 1993, sửa đổi 2005 và các văn bản hướng dẫn thực hiện như Quyết định 132/2000/QĐ-TTg, Nghị định của Chính phủ số 67/2003/NĐ-CP, Quyết định 64/CP năm 2003, Nghị định 134/2004/NĐ-CP, Nghị định số 66/2006/NĐ-CP.

Một số biện pháp bảo vệ môi trường làng nghề đã được triển khai, nhưng tình hình môi trường tại các làng nghề vẫn tiếp tục suy thoái là do:

- Chức năng, nhiệm vụ bảo vệ môi trường làng nghề chưa được quy định rõ ràng, cụ thể như sau:

Chồng chéo và không rõ ràng về trách nhiệm của các bộ ngành và địa phương trong bảo vệ môi trường làng nghề; thiếu các hướng dẫn, định hướng và hỗ trợ các hoạt động sản xuất, thương mại ở các làng nghề theo hướng vừa sản xuất, vừa bảo vệ môi trường.

Các Quyết định 132/2000/QĐ-TTg, Nghị định 134/2004/NĐ-CP và Nghị định 66/2006/NĐ-CP chưa quy định rõ, cụ thể các làng nghề phải có hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung, phải có các biện pháp giảm thiểu phát sinh khí thải...

Chưa có văn bản quy phạm pháp luật quy định riêng đối với vấn đề bảo vệ môi trường làng nghề theo các đặc thù riêng của mỗi loại hình sản xuất.

Chưa có cơ chế, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển công nghệ sản xuất chống ô nhiễm môi trường tại các làng nghề.

Chưa có quy định tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở sản xuất nâng cấp, đầu tư công nghệ mới theo hướng sản xuất sạch, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Chưa xây dựng được các mô hình xử lý chất thải làng nghề, cấp nước, tiêu thoát nước theo quy trình công nghệ phù hợp và đạt tiêu chuẩn môi trường.

Chưa có chính sách cụ thể về di dời cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng ra khỏi khu dân cư làng nghề.

3. Quan điểm và giải pháp hoàn thiện chính sách thúc đẩy phát triển bền vững làng nghề Việt Nam

3.1. Quan điểm

Không đồng nhất chính sách phát triển ngành nghề nông thôn với chính sách phát triển làng nghề. Theo đó, chính sách phát triển làng nghề có đối tượng không chỉ là các ngành nghề hoạt động trong phạm vi của làng nghề mà còn có cả các đối tượng là chủ thể trong làng nghề và chính bản thân làng nghề, vì vậy chính sách phát triển làng nghề rộng hơn và bao trùm nhiều lĩnh vực không chỉ kinh tế mà cả các vấn đề xã hội.

Hoàn thiện chính sách phát triển bền vững làng nghề phải dựa trên cơ sở phát huy trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước địa phương (tỉnh, huyện và xã) trong việc tạo điều kiện thuận lợi để làng nghề tham gia tích cực vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Theo

đó, chính sách phát triển bền vững làng nghề cần gắn với phát triển toàn diện công nghiệp - nông nghiệp và dịch vụ nông thôn theo tiến trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn.

Hoàn thiện chính sách phát triển bền vững làng nghề phải gắn với chủ trương phát triển kinh tế nhiều thành phần. Theo đó, chính sách phát triển bền vững làng nghề phải tạo ra nền tảng pháp lý cơ bản cho “sân chơi” bình đẳng cho các tổ chức kinh tế không phân biệt thành phần cùng tham gia phát triển làng nghề.

Hoàn thiện chính sách phát triển bền vững làng nghề phải trên cơ sở xác định rõ các đối tượng điều chỉnh và theo mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội nông thôn mới. Theo đó, chính sách cần tập trung là đào tạo nguồn nhân lực, nhân cấy nghề mới, phát triển nghề thế mạnh, khôi phục các làng nghề, ngành nghề đã mai một đi đôi với yêu cầu nghiêm ngặt về bảo vệ môi trường.

Hoàn thiện chính sách phát triển làng nghề phải phù hợp với xu hướng phát triển kinh tế thị trường, đẩy mạnh xuất khẩu và hội nhập kinh tế quốc tế. Theo đó, chính sách phát triển làng nghề cần hướng tới khuyến khích sự tự chủ, tự chịu trách nhiệm và bình đẳng giữa các chủ thể kinh tế, một mặt bằng pháp lý và các điều kiện kinh doanh được áp dụng chung cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, đồng thời chính sách cần hướng tới hoàn thiện các hành vi, cơ chế hoạt động của các cá nhân, tổ chức trong làng nghề theo hướng hợp tác, tạo ra liên kết chuỗi giá trị có liên quan về công nghệ, kỹ năng và các sản phẩm trung gian kế tiếp nhau tới sản phẩm cuối cùng ngay trong từng làng nghề, hình thành các loại thị trường chủ yếu tại chỗ như: thị trường hàng hóa, dịch vụ; thị trường các yếu tố sản xuất như: thị trường

tài chính, thị trường lao động, khoa học công nghệ,... phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam.

3.2. Giải pháp hoàn thiện chính sách thúc đẩy phát triển bền vững làng nghề

a. Hoàn thiện chính sách quản lý làng nghề, gồm các nội dung sau

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật thúc đẩy hợp tác kinh doanh trong các làng nghề.

- Cần quy định nhiệm vụ quản lý nhà nước cho một cơ quan chuyên trách thuộc cấp huyện, đảm bảo có một đầu mối chỉ đạo, theo dõi hoạt động trong các làng nghề.

- Chính phủ cần chỉ đạo xây dựng chiến lược toàn diện về phát triển bền vững làng nghề, trong đó có cơ chế hợp tác, liên kết các tác nhân trong làng nghề.

- Cơ quan quản lý Nhà nước đối với làng nghề cần hỗ trợ làng nghề xây dựng quy chế nội bộ phát triển bền vững làng nghề, trong đó phân công rõ trách nhiệm của các cơ quan Đảng, chính quyền, tổ chức xã hội, tổ chức hội, hiệp hội tham gia quản lý nội bộ làng nghề theo hướng bền vững.

b. Hoàn thiện các chính sách kinh tế đối với phát triển làng nghề

* Chính sách vùng nguyên liệu cho làng nghề

- Chính phủ cần chỉ đạo các cơ quan liên quan chủ động nghiên cứu lập quy hoạch vùng nguyên liệu từng làng nghề trên cơ sở điều tra cơ bản về nhu cầu nguyên liệu cho từng làng nghề hiện nay và ban hành chính sách hỗ trợ phát triển vùng nguyên liệu.

- Các cơ quan quản lý nhà nước địa phương cần triển khai quy hoạch và thực thi các chính sách khuyến khích phát triển vùng nguyên liệu cho làng nghề tại địa phương.

- * Chính sách đầu tư hạ tầng làng nghề

- Chính phủ chỉ đạo thống nhất cơ chế hỗ

trợ kinh phí từ nguồn ngân sách trung ương, cấp tỉnh kết hợp với nguồn vốn đóng góp của các doanh nghiệp, vốn tài trợ, viện trợ của các tổ chức, cá nhân khác cùng đầu tư vào hạ tầng các làng nghề.

- Lập kế hoạch thống nhất về đầu tư hạ tầng kinh tế như: giao thông, điện nước, thông tin liên lạc, hạ tầng thương mại ở các làng nghề, nhất là các làng nghề có sản lượng hàng hóa lớn, các làng nghề gắn với du lịch – văn hóa, lễ hội truyền thống, di tích lịch sử văn hóa.

- Khuyến khích các tổ chức đầu tư xây dựng hạ tầng theo các hình thức BOT, BT, BO.

* Chính sách tín dụng cho hoạt động kinh doanh trong làng nghề

- Hoàn thiện hệ thống ngân hàng, các tổ chức tín dụng theo hướng đổi mới tư duy tín dụng thuần túy sang tín dụng đầu tư, mở rộng sự tham gia của các ngân hàng thương mại, các quỹ tín dụng nhân dân vào hoạt động kinh doanh trong làng nghề.

- Tiếp tục thúc đẩy ngân hàng và các tổ chức tín dụng cải tiến, đơn giản hóa các thủ tục cho vay phù hợp với điều kiện kinh doanh của các làng nghề.

- Chính phủ chỉ đạo nghiên cứu mở rộng chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn để hộ gia đình và doanh nghiệp trong làng nghề vay vốn trung và dài hạn để đầu tư đổi mới thiết bị công nghệ, tạo mặt hàng mới cho xuất khẩu.

- Chính phủ chỉ đạo nghiên cứu thành lập các quỹ phát triển làng nghề ở các địa phương để cho vay các dự án sản xuất kinh doanh có hiệu quả kinh tế cao, đặc biệt là Quỹ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong làng nghề.

- Hoàn thiện chính sách tín dụng ưu đãi làng nghề phù hợp với các cam kết của Việt Nam với các tổ chức quốc tế, đưa ra chỉ tiêu

về số người được hưởng lợi từ vốn vay tín dụng ưu đãi càng lớn thì càng được tạo điều kiện tiếp cận vốn vay ưu đãi.

- Khuyến khích các ngân hàng mở rộng mạng lưới và các loại sản phẩm tín dụng của mình vào địa bàn các làng nghề.

- * Chính sách thương mại và xúc tiến thương mại sản phẩm làng nghề

- Các Bộ, ngành liên quan và các địa phương có làng nghề cần chú trọng tăng thêm kinh phí xúc tiến thương mại sản phẩm làng nghề. Tổ chức thường xuyên các hội chợ, triển lãm sản phẩm làng nghề ở các thành phố lớn như đã làm thời gian gần đây;

- Nhà nước đầu tư xây dựng các chợ, cửa hàng trung tâm ở các trạm nghỉ ven đường quốc lộ, ở các điểm du lịch để làng nghề quảng bá và tiêu thụ sản phẩm.

- Nâng mức hỗ trợ kinh phí cho các hộ và doanh nghiệp làng nghề khảo sát thị trường nước ngoài.

- Hỗ trợ làng nghề xây dựng các trang web, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức và hỗ trợ xây dựng thương hiệu cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất làng nghề.

- * Chính sách thuế đối với hoạt động kinh doanh trong làng nghề

- Không đánh thuế giá trị gia tăng; thực hiện miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp từ 2-3 năm đối với việc áp dụng và đổi mới công nghệ trong sản xuất sản phẩm làng nghề.

- Bỏ thuế xuất khẩu đối với sản phẩm làng nghề.

b. Giải pháp hoàn thiện chính sách phát triển làng nghề bền vững về xã hội

- * Chính sách về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho làng nghề

- Đổi mới đầu tư nhà nước vào đào tạo

người lao động trong các làng nghề theo hướng xác định nhu cầu lao động của các ngành nghề trong làng nghề. Chính quyền cấp tỉnh thực hiện cấp giấy chứng nhận nghề cho người lao động trong làng nghề trên địa bàn;

- Khuyến khích các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư vào đào tạo nghề;

- Khuyến khích về thuế và ưu tiên giao đất cho các dự án đào tạo nghề.

- Nhà nước cần ban hành các tiêu chuẩn đào tạo nghề ngang tầm khu vực và giám sát quá trình đào tạo hướng tới các tiêu chuẩn đó;

- Khuyến khích các tổ chức đào tạo trong nước hợp tác đào tạo với cá tổ chức nước ngoài để nhanh chóng nâng cao chất lượng đào tạo;

- Thông qua các hiệp hội, các quỹ phát triển để mở lớp đào tạo nguồn nhân lực làng nghề.

- * Chính sách lao động và việc làm

- Mở rộng các dự án cho vay vốn từ quỹ quốc gia giải quyết việc làm, chương trình mục tiêu xóa đói giảm nghèo, các chương trình khuyến nông, khuyến công vào làng nghề.

- Xây dựng chính sách đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người dân ở khu vực bị thu hồi đất gắn với hỗ trợ phát triển kinh doanh trong các làng nghề tại địa phương.

- Chính phủ chỉ đạo xây dựng chính sách khuyến khích, tạo điều kiện cho các nghệ nhân, thợ giỏi truyền bá kinh nghiệm để duy trì và phát triển bí quyết ngành nghề truyền thống. Ưu đãi các nghệ nhân mở lớp truyền nghề, dạy nghề cho lao động và được thu tiền học của học viên theo thỏa thuận.

- * Chính sách bảo tồn và phát triển làng nghề

- Chính phủ chỉ đạo nghiên cứu ban hành bộ tiêu chí công nhận làng nghề theo hướng phát triển bền vững bao gồm tiêu chí về phát triển kinh tế, về xã hội và bảo vệ tài nguyên, thân thiện với môi trường. Đồng thời xây dựng bộ tiêu chí giám sát ngành nghề, làng nghề truyền thống sau khi đã được khôi phục.

- Thống nhất và cụ thể hóa các chính sách tôn vinh nghệ nhân làng nghề, khen thưởng và ưu đãi các nghệ nhân, lao động có tay nghề cao tham gia tích cực và hiệu quả vào hoạt động dạy nghề. Định kỳ tổ chức xét công nhận và trao tặng các danh hiệu cao quý, cũng như thưởng vật chất xứng đáng cho những nghệ nhân, thợ giỏi, những nhà kinh doanh có tài làm ra nhiều sản phẩm có chất lượng cao trong làng nghề.

- Khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống gắn với du lịch văn hóa nghệ thuật đặc trưng của sản phẩm làng nghề.

c. Giải pháp hoàn thiện chính sách phát triển làng nghề bền vững về môi trường

* Chính sách khoa học, công nghệ.

- Tăng cường các khuyến khích chuyển giao công nghệ từ làng nghề các nước vào làng nghề nước ta thông qua các công cụ như thuế, tín dụng,...

- Chính phủ chỉ đạo cơ quan chuyên môn xem xét lại những yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật đối với nhập khẩu thiết bị đã qua sử dụng để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, cơ sở SXKD ở làng nghề cải thiện điều kiện sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Chính phủ tăng cường kinh phí cho các viện nghiên cứu, đặc biệt là các nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất ở làng nghề.

- Khuyến khích các doanh nghiệp dành nguồn lực cho nghiên cứu và phát triển.

Kinh phí này được hạch toán vào chi phí sản xuất và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

* Chính sách thúc đẩy các cơ sở sản xuất trong làng nghề bảo vệ môi trường.

- Chính phủ chỉ đạo nghiên cứu xây dựng văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường làng nghề, trong đó quy định rõ trách nhiệm của chính quyền địa phương có làng nghề. Quy định cấp xã làm nòng cốt trong quản lý môi trường các làng nghề.

- Chính phủ chỉ đạo nghiên cứu xây dựng chính sách thúc đẩy các làng nghề tự hình thành quy chế xây dựng hệ thống xử lý chất thải cho làng.

- Công tác đào tạo nghề cần bổ sung kiến thức cơ bản về bảo vệ môi trường làng nghề. Đồng thời quan tâm thỏa đáng đối với những người làm công tác môi trường trong làng nghề.

- Tăng cường công tác kiểm tra, bảo vệ môi trường làng nghề và có biện pháp xử lý nghiêm, triệt để cơ sở sản xuất vi phạm quy chế bảo vệ môi trường làng nghề.

- Chính phủ chỉ đạo nghiên cứu áp dụng các loại phí và lệ phí đối với gây ô nhiễm để bảo vệ môi trường làng nghề, đó là phí nước thải, rác thải, ô nhiễm không khí, phí gây tiếng ồn,...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Báo cáo khảo sát chính sách phát triển Làng nghề ở tỉnh Ninh Bình
- Báo cáo khảo sát chính sách phát triển làng nghề tại Nam Định
- Báo cáo môi trường làng nghề năm 2008, Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Báo cáo tình hình và đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn phát triển làng nghề,

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, số 392/BC-BNN-CB ngày 23/2/2009.

- Báo cáo tổng kết 2 năm triển khai thực hiện nghị định 66/2006/NĐ-CP, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.
- Cục Chế biến Thương mại Nông lâm thủy sản và nghề muối, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Báo cáo kế hoạch 5 năm 2011-2015.
- Đánh giá ảnh hưởng của KHKT và CS hỗ trợ của Chính phủ đối với làng nghề, 2010, Ipsard
- Đinh Xuân Nghiêm (2010), Một số giải pháp phát triển bền vững làng nghề Việt Nam, Đề tài cấp bộ 2010.
- Đỗ Thị Thạch (2006), Khôi phục và phát triển làng nghề ở vùng Đồng bằng sông Hồng nước ta hiện nay, Đề tài cấp bộ 2005-2006.
- Hội thảo mỗi làng một sản phẩm 2010, Cục Chế biến Thương mại Nông lâm thủy

sản và nghề muối, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

- Nguyễn Như Chung (2008), *"Hoàn thiện các chính sách phát triển Làng nghề tỉnh Bắc Ninh"*, *Tạp chí thị trường giá cả*, số tháng 3/2008.
- Nguyễn Trí Dĩnh (2005), Những giải pháp nhằm phát triển Làng nghề ở một số tỉnh đồng bằng sông Hồng, đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ 2005.
- Quy hoạch phát triển nông nghiệp nông thôn đến 2015 và định hướng đến năm 2020. Mard.
- Quy hoạch và phát triển ngành nghề nông thôn đến 2010 và định hướng đến năm 2020 của một số tỉnh trong cả nước.
- Lê Trung Thông (2009), Chính sách và cơ chế liên kết nhiều nhà trong sự nghiệp chấn hưng và phát triển Làng nghề truyền thống Việt Nam, Đề tài khoa học cấp bộ 2009.